TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;

2. Ông Phạm Quang Quỳnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 296/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T; trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Dương Văn T; trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Dương Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 10 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở gia đình anh T tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T nghe lời mẹ đẻ nghi ngờ chị không chung thuỷ. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi vã, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, không còn tiếng nói chung trong gia đình. Chị nhiều lần giải thích, khuyên bảo anh T nhưng không có kết quả. Mẹ đẻ anh T nhiều lần đánh chửi, vứt quần áo của chị ra khỏi nhà. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày chị và anh T có 02 con chung là Dương Ngọc N sinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018. Ly hôn, chị T nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về quan hệ vợ chồng, anh xác nhận chị T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng, còn mâu thuẫn vợ chồng là do chị T mâu thuẫn với mẹ đẻ của anh vì mẹ đẻ của anh nhắc nhở chị T về việc đi sớm về muộn. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị T. Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh nhận nuôi con Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018 còn chị T nuôi con Dương Ngọc N sinh ngày 29 tháng 7 năm 2013, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho chị T nuôi cả 02 con chung là Dương Ngọc Nsinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Về tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Dương Văn T trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 10 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn theo chị T là do anh T nghe lời mẹ đẻ nghi ngờ chị không chung thuỷ. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi vã, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, không còn tiếng nói chung trong gia đình. Anh T xác nhận vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm. Anh T có yêu cầu đoàn tụ nhưng không có cách gì để động viên chị T quay về chung sống, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến tham gia hoà giải mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ cho thấy anh không có thiện chí và quyết tâm hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Qua quá trình xác minh chính quyền địa phương và gia đình đều xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do anh chị sống không tin tưởng nhau, mẹ chồng con dâu đánh cãi nhau. Do đó, chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T đều xác nhận có 02 con chung là Dương Ngọc Nsinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018. Chị T đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị được nuôi con Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018 còn chị T nuôi con Dương Ngọc Nsinh ngày 29 tháng 7 năm 2013, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét, chị T làm công nhân có thu nhập ổn định, có thời gian

hợp lý để chăm sóc con nhỏ còn anh T làm nghề tự do nên thu nhập và thời gian làm việc không cố định. Bên cạnh đó, cháu Ngọc Như đã có đơn đề nghị được ở với mẹ và chị T cũng có yêu cầu được nuôi cháu. Đối với cháu Thế Vinh, tính đến ngày xét xử mới được 36 tháng 11 ngày tuổi, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu Dương Ngọc Nvà Dương Thế V, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Dương Ngọc Nvà Dương Thế V cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con Dương Ngọc Nsinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Dương Thế V sinh ngày 01 tháng 5 năm 2018 đến khi các con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Dương Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011635

ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thái;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Trường Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh